TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2021/HSST
Ngày: 08/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thọ và bà Nguyễn Thị Tiếp

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Bùi Thị Huyền – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm thuỷ tham gia phiên toà:

Ông: Phạm Minh Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2021, tại hội trường TAND huyện C. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2021/HSST, ngày 04/3/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Anh T -** Sinh ngày: 20/5/1992 tại Thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn N và bà Trương Thị Q (Đã chết). Vợ: Nguyễn Thị Th (Đã ly hôn), chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 40/2010/HSST ngày 8/12/2010 của TAND huyện C tuyên phạt Phạm Anh T 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

Tại bản án số 61/2011/HSST ngày 21/12/2011 của TAND C tuyên phạt Phạm Anh T 30 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; đến nay đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/10/2020 đến ngày 06/11/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Cù Khắc T, sinh năm 1975.

Trú tại: Thôn C, TT Ph, huyện C, Thanh Hóa. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

Chị Mong Thị T, sinh năm 1986.

Trú tại: Bản H, xã N, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Chị Sầm Thị S, sinh năm 2001.

Trú tại: Thôn Ph 3, xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Anh Trương Văn T, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn Y, xã C, C, Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

Anh Phạm Văn Ng, sinh năm 1991

Trú tại: Thôn Y, xã C, C, Thanh Hóa. Vắng mặt

Chị Phạm Thị Th (Tên gọi khác: H), sinh năm 1965.

Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Anh Phạm Văn N, sinh năm 1972.

Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn Ph, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn Đ, TT Ph, huyện C, Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Vào đầu tháng 10/2020 Sầm Thị S và Mong Thị T đến nhà bà Phạm Thị Thuý (Thường gọi là H) để ở bán cà phê, nước giải khát cho bà Thuý. Quá trình làm thuê ở nhà bà Thuý thì S và T quen Phạm Anh T. T trao đổi với S, T về việc sẽ đi bán dâm khi khách có nhu cầu mua dâm thì S và T đồng ý. Khi S, T bán dâm thì T sẽ thu tiền của khách mua dâm số tiền là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng)/1lượt và T trả cho S số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), trả cho T số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng), số tiền còn lại thì T hưởng.

Vào tối ngày 27/10/2020 khi đang bán Cafe tại gia đình của bà H thì có một người khách đến uống Cafe và hỏi mua dâm với chị Mong Thị T, sau đó chị T và người khách hẹn gặp nhau tại nhà nghỉ Hoa Quỳnh. T đã nhờ Phạm Anh T chở đến nhà nghỉ Hoa Quỳnh thuộc Tổ dân phố T, thị trấn Ph, huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá để bán dâm. Nhưng khi chị T đến nhà nghỉ Hoa Quỳnh thì người khách mua dâm đã say rượu nên không mua dâm nữa. Trong lúc chờ T đến đón, thì có anh Cù Khắc T hỏi mua dâm với chị T và chị T đồng ý. Chị T đã thuê phòng 202 của nhà nghỉ Hoa Quỳnh để mua bán dâm với anh T. Trong khoảng thời này, anh Trương Văn T và anh Phạm Văn Ng đi đến quán Cafe của bà Thuý thì gặp Phạm Anh T và hỏi tìm gái bán dâm để mua dâm. Sau đó T, Nguyên và Phạm Anh T thống nhất giá mua dâm là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng)/1 người. Anh T đã đưa cho T 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để Nguyên và T mua dâm 02 người. Lúc này, Phạm Anh T lấy chiếc xe mô tô BKS: 36B2-198.62 để chở Sầm Thị S và một người tên H (Chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) lên nhà nghỉ Hoa Quỳnh để bán dâm. Khi lên nhà nghỉ Hoa Quỳnh, T gặp anh Đỗ Văn T là người thầu lại nhà nghỉ Hoa Quỳnh và T thuê 02 phòng để cho khách mua bán dâm. T và S vào phòng 201

còn Nguyên chưa vào phòng. Lúc này, T lấy với anh T thêm số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) để trả tiền phòng. Sau đó, T trả tiền phòng cho anh Đỗ Văn T số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) rồi đi về. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày Tổ công tác Công an thị trấn Ph đã phát hiện và lập biên bản vi phạm hành chính tại phòng số 201 anh Trương Văn T đang có hành vi mua dâm đối với chị Sầm Thị S. Tại phòng số 202 anh Cù Khắc T đang có hành vi mua dâm đối với chị Mong Thị T. Đối với Phạm Văn Ng và người bán dâm tên H đã biết có lực lượng Công an đến kiểm tra nên bỏ đi ra khỏi nhà nghỉ.

Về vật chứng: 01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Đỗ Văn Quang, Trương Văn T, Sầm Thị S và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M1 (Bên trong là 01 bao cao su chưa qua sử dụng.

01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Phạm Khắc Thơm, Cù Khắc T, Mong Thị T và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M2 (Bên trong là 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su đã bị xé rách một phần).

01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Đỗ Văn Quang, Mong Thị T và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M4 (Bên trong là 03 bao cao su chưa qua sử dụng).

Các vật chứng trên đều được chuyển đến kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Đối với số tiền 500.000đ của Cù Khắc T giao nộp, số tiền 600.000đ của bị cáo giao nộp đã được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, M5 và nhập kho lưu ký tại kho bạc Nhà Nước huyện Cẩm Thuỷ.

Đối với Đỗ Văn T, khi khách đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Hoa Quỳnh thì T không biết khách thuê phòng để mua bán dâm. Vì vậy, hành vi của Đỗ Văn T không cấu thành tội phạm tội Chứa mại dâm theo điều 327 Bộ luật hình sự. Công an huyện C đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ do thiếu tinh thần trách nhiệm để xảy ra hoạt động mua bán dâm ở sơ sở do mình quản lý, không thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý an ninh trật tự đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 25 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Đối với Sầm Thị S, Mong Thị T đã bị Công an huyện C ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi bán dâm theo quy định tại Điều 22 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Phạm Văn Ng, Trương Văn T và Cù Khắc T đã bị Công an huyện C ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi mua dâm theo quy định tại Điều 23 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Thuỷ chưa xác định được người bán dâm tên H nên chưa làm rõ được các vấn đề có liên quan. Cơ quan CSĐT Công an huyện C tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý khi có đầy đủ chứng cứ, tài liệu.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSCT-TA ngày 01/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ đã quyết định truy tố: Phạm Anh T về tội môi giới mại dâm theo điểm đ khoản 2 điều 328 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 328, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS, lên mức án đối với bị cáo T từ 36 đến 40 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000đ của Cù Khắc T và 600.000đ của bị cáo đã được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, M5 đang nhập kho lưu ký tại kho bạc Nhà Nước huyện Cẩm Thuỷ.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Đỗ Văn Quang, Trương Văn T, Sầm Thị S và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M1 (Bên trong là 01 bao cao su chưa qua sử dụng.

01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Phạm Khắc Thơm, Cù Khắc T, Mong Thị T và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M2 (Bên trong là 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su đã bị xé rách một phần).

01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Đỗ Văn Quang, Mong Thị T và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M4 (Bên trong là 03 bao cao su chưa qua sử dụng).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố là đúng. Lời khai của người làm chứng đều phù hợp với lời khai của bị cáo và nội dung cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người

tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận: Ngày 27/10/2020, bị cáo đã có hành vi môi giới mại dâm đối với Trương Văn T, Phạm Văn Ng mua dâm với 02 người là Mong Thị T và với một người tên H tại nhà nghỉ Hoa Quỳnh thuộc tổ dân phố T, thị trấn Ph, huyện C. Khi Cù Khắc T đang có hành vi mua dâm đối với chị Mong Thị T và Trương Văn T đang có hành vi mua dâm đối với chị Sầm Thị S thì bị Tổ công tác Công an thị trấn Ph phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính. Đối với Phạm Văn Ng và người bán dâm tên H đã biết có lực lượng Công an đến kiểm tra nên bỏ đi ra khỏi nhà nghỉ.

Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội môi giới mại dâm được quy định tại điểm đ khoản 2 điều 328 BLHS như Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mại dâm là một tệ nạn xã hội, xâm hại đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, đến đời sống văn hóa, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an của địa phương gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, việc lên mức hình phạt tù đối với bị cáo là cần thiết.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay đã thành khẩn khai báo, thực sự tỏ ra ăn năn hối cải.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo nộp cho Tòa án giấy xác nhận của Công an huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa về việc xác nhận tin báo của công dân. Ngày 09/3/2021, bị cáo đã báo cáo với Công an huyện Ngọc Lặc việc thấy một thanh niên có biểu hiện nghiện ma Ty, nghi ngờ người đó đang tàng trữ trái phép chất ma Ty. Tại phiên tòa bị cáo không chứng minh được địa chỉ, họ tên, tuổi của người thanh niên có biểu hiện nghiện ma Ty, không xác định được việc báo cáo cụ thể trực tiếp với ai. Do đó, chứng cứ bị cáo đã nộp không đảm bảo theo quy định của pháp luật về nguồn chứng cứ, trình tự thu thập nên không có cơ sở xem xét.

[3]. Về vật chứng: Số tiền 500.000đ của Cù Khắc T giao nộp và 600.000đ của bị cáo giao nộp đã được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, M5 đang nhập kho lưu ký tại kho bạc Nhà Nước huyện Cẩm Thuỷ là vật chứng của vụ án nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Đỗ Văn Quang, Trương Văn T, Sầm Thị S và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M1 (Bên trong là 01 bao cao su chưa qua sử dụng.

01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Phạm Khắc Thơm, Cù Khắc T, Mong Thị T và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M2 (Bên trong là 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su đã bị xé rách một phần).

01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Đỗ Văn Quang, Mong Thị T và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M4 (Bên trong là 03 bao cao su chưa qua sử dụng).

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Phạm Anh T phạm tội môi giới mại dâm.

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 328, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 Bộ luật TTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Phạm Anh T 36 tháng tù được trừ đi 9 ngày tạm giữ, còn phải chấp hành 35 tháng 21 ngày tù, thời hạn tính từ ngày chấp hành hình phạt.

Về vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 500.000đ của Cù Khắc T và 600.000đ của bị cáo đã được niêm phong trong phong bì ký hiệu M3, M5 đang nhập kho lưu ký tại kho bạc Nhà Nước huyện Cẩm Thuỷ ngày 16/11/2020.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Đỗ Văn Quang, Trương Văn T, Sầm Thị S và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M1. 01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Phạm Khắc Thơm, Cù Khắc T, Mong Thị T và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M2. 01 phong bì thư được niêm phong bởi các chữ ký của Lê Huy Hải, Đỗ Văn Quang, Mong Thị T và các hình dấu của Công an thị trấn Ph. Phong bì ký hiệu M4.

Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về án phí: Bị cáo T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo
- Công an huyện C.
- VKSND huyện C.
- P7. VKS tỉnh Thanh Hóa
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Ánh Tuyết

Về phần bồi thường trách nhiệm dân sự: anh Hà Văn Trường yêu cầu, đề nghị bị can Phạm Văn Dũng phải bồi thường tổ số tiền 23.600.000[đ] (hai mươi ba triệu S trăm nghìn đồng) hiện nay, Phạm Văn Dũng chưa bồi thường gì cho anh Hà Văn Trường.

*** Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với Phạm Văn Dũng**:

- Tình tiết tăng nặng: Không

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (theo quy định tại Điểm s, Khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự).

Quá trình điều tra đã xác định nguyên nhân xảy ra vụ án là do mâu thuẫn bột phát trong quá trình chờ thanh toán tiền hát karaoke, các đối tượng đã sử dung bia, rượu, không kiềm chế được bản thân nên xảy ra mâu thuẫn. Do đó, cần có biện pháp tuyên truyền quản lý chặt chẽ các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke để tránh sự việc tương tự xảy ra.

- Tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra vụ án đã tạm giữ vật chứng của vụ án gồm:

- Đối với 01 (một) ống điếu cày làm bằng một đoạn ống dạng tre, nứa dài 60,5cm, đường kính 5cm, đã bị vỡ làm nhiều mảnh là vật chứng vụ án. Được chuyển đến kho vật chứng chi cục Thi hành án dân sự huyện C để chờ xử lý theo quy định.

Từ các chứng cứ như trên, đã có cơ sở:

KẾT LUẬN

Khoảng 00 giờ ngày 01/7/2020 tại quán KRAOKE nhà sàn thuộc thôn Cán Én, xã Cẩm Thành huyện C. Do mau thuẫn bột phát dẫn đến xô sát giữa hai nhóm thanh niên đến hát Karaoke nên bị can Phạm Văn Dũng đã có hành vi dùng ống điếu là hung khí nguy hiểm để để đập vào vùng mặt bên trái của anh Hà Văn Trường, gây tổn hại sức khỏe đối với anh Trường 16% (*Mười S phần trăm*). Hành vi của bị can Phạm Văn Dũng là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khoẻ của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích quy định tại điểm đ Khoản 2, Điều 134 BLHS năm 2015, (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015). do đó cần phải xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Đối với Bùi Văn Kỳ có hành vi dùng dao chém gây thương tích đối với anh Quách Hà Hoàng và anh Trần Đăng Khoa nhưng tỷ lệ thương tích thuộc khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự do đó anh Hoàng và anh Khoa có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Bùi Văn Kỳ do đó cơ quan CSĐT Công an huyện C không ra quyết định khởi tố bị can đối với Bùi Văn Kỳ.

Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định bị can có lý lịch dưới đây đã phạm tội như sau:

LÝ LỊCH BỊ CAN

Họ và tên: **Phạm Văn Dũng;** Tên goi khác: Không; Giới tính: Nam
Sinh ngày 15/7/1995, tại xã Cẩm Thành, huyện C, tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch : Việt Nam ; Dân tộc : Mường ; Tôn giáo : Không
Nghề nghiệp : Lao động tự do; Văn hóa: 3/12

Nơi ĐKHKTT: thôn Ngọc Khạt, Cẩm Thành, C, Thanh Hóa.
Chỗ ở hiện nay: thôn Ngọc Khạt, Cẩm Thành, C, Thanh Hóa.
Tiền án, tiền sự: Không
- Cha đẻ: Phạm Văn Tiến; Sinh năm: 1971; Nghề nghiệp: Làm ruộng
Nơi cư trú: thôn Ngọc Khạt, Cẩm Thành, C, Thanh Hóa.
- Mẹ: Cao Thị Khuyên; Sinh năm: 1972; - Đã chết
- Vợ, con: Chưa có.

- Về biện pháp ngăn chặn: Ngày 17/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra lệnh tạm giam đối với bị can Phạm Văn Dũng trong thời giam 03 tháng kể từ ngày 17/9/2020 đến hết ngày 15/12/2020, lệnh này đã được Viện kiểm sát nhân dân huyện C phê chuẩn. Ngày 04/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã ra quyết định gia hạn thời hạn tạm giam 02 (hai) tháng kể từ ngày 16/12/2020 đến ngày 13/02/2021. Hiện bị can đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện C.

Hành vi của bị can Phạm Văn Dũng, đã phạm vào điểm đ Khoản 2, Điều 134 BLHS năm 2015, (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015) quy định tội "Cố ý gây thương tích".

Điều 134 quy định :

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này". ...

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Truy tố bị can Phạm Văn Dũng có lý lịch nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ để xét xử về tội "Cố ý gây thương tích", theo điểm đ khoản 2 điều 134 BLHS năm 2015. (Thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 điều 134 BLHS năm 2015)

Kèm theo cáo trạng là hồ sơ vụ án được đánh số từ 01 đến ..... và, danh sách những người cần triệu tập ra toà./.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh – B/c;
- Cơ quan CSĐT CA C;
- Bị can;
- Lưu hồ sơ.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Phạm Minh Lượng